

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2015

**THÔNG BÁO**

**KẾT QUẢ THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2015 CỦA VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM**

| Số TT | Họ tên thí sinh    | Năm sinh   |            | Trường đào tạo      | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành                                  | Ngành dự thi | Môn thi         |               |                  |                                    | Tiếng Anh | Tin học | Tổng điểm |
|-------|--------------------|------------|------------|---------------------|------------------|-----------------------------------------------|--------------|-----------------|---------------|------------------|------------------------------------|-----------|---------|-----------|
|       |                    | Nam        | Nữ         |                     |                  |                                               |              | Kiến thức chung | Phần thi viết | Phần thi vấn đáp | Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành |           |         |           |
| 1     | Phan Thị Ngọc Anh  |            | 15/5/1990  | ĐHNL HCM            | ĐH               | Cảnh quan và kỹ thuật Hoa viên                | NCV          | 87              | 92            | 182              |                                    | 80        | 95      | 536       |
| 2     | Phan Đức Chính     | 16/8/1986  |            | ĐHLN                | Thạc sĩ          | Lâm nghiệp                                    | NCV          | 83              | 68            | 175              |                                    | 86        | 85      | 497       |
| 3     | Trương Thanh Cường | 19/11/1990 |            | ĐHNL HCM            | ĐH               | Kế toán                                       | KTV          | 85              | 79            | 170              |                                    | 76        | 95      | 505       |
| 4     | Phạm Văn Cường     | 25/12/1991 |            | ĐHLN                | ĐH               | Lâm học                                       | NCV          | 93              | 74            | 170              |                                    | 82        | 85      | 504       |
| 5     | Nguyễn Hải Đăng    | 17/6/1983  |            | ĐH LN               | ĐH               | QLTN rừng và MT                               | NCV          | 78              | 74            | 180              |                                    | 90        | 90      | 512       |
| 6     | Đường Ngọc Danh    | 14/7/1987  |            | ĐHLN                | Thạc sĩ          | Lâm nghiệp                                    | NCV          | 79              | 75            | 165              |                                    | 75        | 85      | 479       |
| 7     | Nguyễn Thủy Dung   |            | 25/03/1990 | ĐHCN Hà Nội         | ĐH               | Kế toán                                       | KTV          | 47              | 50            | 122              |                                    | 26        | 50      | 295       |
| 8     | Đỗ Thị Thanh Hà    |            | 15/10/1984 | ĐHLN                | Thạc sĩ          | Lâm học                                       | NCV          | 83,5            | 75            | 170              |                                    | 77        | 85      | 490,5     |
| 9     | Kiều Thị Hà        |            | 16/9/1989  | ĐHLN                | ĐH               | CNSH                                          | NCV          | 86              | 84            | 180              |                                    | 88        | 90      | 528       |
| 10    | Trần Thị Hải       |            | 20/12/1987 | ĐH NN               | Thạc sĩ          | QL đất đai                                    | NCV          | 76,5            | 68            | 175              |                                    | 84        | 95      | 498,5     |
| 11    | Trần Thị Thu Hằng  |            | 28/10/1981 | ĐH Nông Lâm Huế     | ĐH               | Lâm nghiệp                                    | NCV          | 73,5            | 87            | 180              |                                    | 85        | 95      | 520,5     |
| 12    | Vũ Thị Hằng        |            | 01/12/1990 | Học viện tài chính  | ĐH               | Kế toán                                       | KTV          | 55              | 71            | 154              |                                    | 67        | 80      | 427       |
| 13    | Tổng Thị Hằng      |            | 9/9/1992   | ĐHKH ĐH Thái Nguyên | ĐH               | Hóa học                                       | NCV          | BT              | BT            | BT               |                                    | BT        | BT      |           |
| 14    | Lê Thị Hạnh        |            | 9/10/1986  | ĐHLN                | Thạc sĩ          | Lâm nghiệp                                    | NCV          | 92,5            | 77            | 175              |                                    | 95        | 90      | 529,5     |
| 15    | Trịnh Văn Hiệu     | 7/12/1986  |            | ĐHLN                | ĐH               | Lâm học                                       | NCV          | 84,5            | 79            | 180              |                                    | 85        | 90      | 518,5     |
| 16    | Dương Thị Hoa      |            | 08/02/1987 | ĐH Thái Nguyên      | Thạc sĩ          | Sinh học                                      | NCV          | 76              | 87            | 172              |                                    | 92        | 95      | 522       |
| 17    | Nguyễn Thị Hòa     |            | 15/12/1989 | ĐH Nha Trang        | ĐH               | Kế toán                                       | KTV          | 90              | 74            | 184              |                                    | 84        | 90      | 522       |
| 18    | Cao Bá Hoàng       | 15/9/1983  |            | ĐHLN                | Thạc sĩ          | Kỹ thuật máy và TB cơ khí hóa Nông-Lâm nghiệp | NCV          | 80              | 77            | 165              |                                    | 90        | 90      | 502       |



|    |                        |            |            |                     |         |                   |     |      |    |     |    |     |       |
|----|------------------------|------------|------------|---------------------|---------|-------------------|-----|------|----|-----|----|-----|-------|
| 19 | Nguyễn Huy Hoàng       | 10/9/1985  |            | ĐHLN                | Thạc sĩ | Lâm học           | NCV | 77   | 83 | 190 | 85 | 95  | 530   |
| 20 | Nguyễn Thị Quỳnh Hương |            | 9/6/1993   | ĐHKT Quốc Dân       | ĐH      | Kế toán           | KTV | BT   | BT | BT  | BT | BT  |       |
| 21 | Bành Thúy Hường        |            | 3/10/1993  | ĐHNL Thái Nguyên    | ĐH      | QLTN Rừng         | NCV | 67   | 79 | 158 | 78 | 75  | 457   |
| 22 | Đào Thị Huyền          |            | 12/4/1980  | ĐHLN                | Thạc sĩ | Lâm học           | NCV | 77   | 70 | 160 | 80 | 95  | 482   |
| 23 | Cao Văn Lạng           | 5/5/1990   |            | ĐHLN                | ĐH      | Lâm học           | NCV | 91   | 85 | 180 | 80 | 95  | 531   |
| 24 | Trần Thị Liên          |            | 20/10/1993 | ĐH Hồng Đức         | ĐH      | Kế toán           | KTV | 40   | 45 | 122 | 32 | 50  | 289   |
| 25 | Đinh Khánh Linh        |            | 17/9/1993  | ĐHKH ĐH Thái Nguyên | ĐH      | CNSH              | NCV | 86   | 72 | 150 | 95 | 100 | 503   |
| 26 | Hoàng Diệp Linh        |            | 28/8/1993  | ĐH Lâm nghiệp       | ĐH      | QLTNTN            | NCV | 90   | 93 | 180 | 90 | 100 | 553   |
| 27 | Phạm Thị Mận           |            | 8/6/1990   | ĐHNL Thái Nguyên    | ĐH      | CNSH              | NCV | 87   | 76 | 180 | 90 | 100 | 533   |
| 28 | Nguyễn Văn Nam         | 15/02/1990 |            | ĐHLN                | ĐH      | Lâm nghiệp đô thị | NCV | 78,5 | 70 | 170 | 70 | 100 | 488,5 |
| 29 | Phạm Thị Nga           |            | 22/9/1989  | Đại học Mỏ Địa chất | ĐH      | Kế toán           | KTV | BT   | BT | BT  | BT | BT  |       |
| 30 | Cao Minh Thủy Nguyễn   |            | 29/11/1981 | ĐHLN HCM            | Thạc sĩ | Trồng trọt        | NCV | 76   | 74 | 180 | 85 | 100 | 515   |
| 31 | Trần Thị Nhài          |            | 15/10/1993 | ĐHKH ĐH Thái Nguyên | ĐH      | CNSH              | NCV | 79   | 74 | 145 | 75 | 95  | 468   |
| 32 | Hà Huy Nhật            | 6/1/1991   |            | ĐHLN                | ĐH      | Lâm học           | NCV | 80   | 80 | 175 | 71 | 100 | 506   |
| 33 | Đỗ Thị Kim Nhung       |            | 6/11/1990  | ĐHLN                | ĐH      | Lâm học           | NCV | 76,5 | 66 | 180 | 85 | 95  | 502,5 |
| 34 | Nguyễn Thị Nhung       |            | 24/8/1993  | ĐHKH ĐH Thái Nguyên | ĐH      | Hóa học           | NCV | BT   | BT | BT  | BT | BT  |       |
| 35 | Nguyễn Thị Thu Phương  |            | 22/9/1981  | ĐHLN                | ĐH      | Lâm học           | NCV | 80   | 71 | 154 | 95 | 85  | 485   |
| 36 | Nguyễn Công Phương     | 27/9/1990  |            | ĐHLN                | ĐH      | Lâm học           | NCV | 73,5 | 80 | 164 | 81 | 90  | 488,5 |
| 37 | Phạm Thị Phương        |            | 14/01/1989 | Học viện tài chính  | ĐH      | Kế toán           | KTV | BT   | BT | BT  | BT | BT  |       |
| 38 | Dương Hồng Quân        | 8/7/1988   |            | ĐHLN                | ĐH      | Lâm học           | NCV | 92   | 88 | 170 | 73 | 75  | 498   |
| 39 | Bùi Ngọc Quang         | 8/10/1990  |            | ĐHLN                | ĐH      | CNSH              | NCV | 83   | 77 | 168 | 75 | 95  | 498   |
| 40 | Trần Hoàng Quý         | 01/02/1984 |            | ĐH Phương Đông      | ĐH      | Lâm nghiệp        | NCV | 80   | 77 | 177 | 95 | 95  | 524   |
| 41 | Lưu Thị Quỳnh          |            | 15/9/1990  | ĐHLN                | Thạc sĩ | Lâm nghiệp        | NCV | 80   | 86 | 175 | 85 | 100 | 526   |
| 42 | Bùi Văn Sang           | 3/12/1992  |            | ĐH Thành Đô         | ĐH      | Tài chính NH      | KTV | BT   | BT | BT  | BT | BT  |       |
| 43 | Đào Thanh Sơn          | 2/8/1977   |            | ĐHLN                | Thạc sĩ | Lâm nghiệp        | NCV | 81,5 | 58 | 150 | 80 | 95  | 464,5 |
| 44 | Giang Thị Thanh        |            | 13/6/1985  | ĐH Tây Nguyên       | Thạc sĩ | Lâm học           | NCV | 90   | 57 | 162 | 76 | 100 | 485   |
| 45 | Lê Anh Thanh           | 30/6/1986  |            | ĐHLN                | ĐH      | Nông lâm kết hợp  | NCV | 83,5 | 66 | 152 | 82 | 90  | 473,5 |
| 46 | Hoàng Quốc Thành       | 10/2/1993  |            | Học Viện NNVN       | ĐH      | Bảo vệ thực vật   | NCV | 72   | 63 | 144 | 75 | 100 | 454   |
| 47 | Hoàng Nam Thao         | 21/7/1987  |            | ĐHLN HCM            | ĐH      | Lâm nghiệp        | NCV | 86   | 59 | 172 | 85 | 95  | 497   |
| 48 | Bùi Thị Phương Thảo    |            | 27/5/1990  | ĐHTC-Ngân hàng HN   | ĐH      | Kế toán           | KTV | 80   | 76 | 150 | 83 | 85  | 474   |
| 49 | Nguyễn Thị Thóa        |            | 29/11/1993 | ĐHTBXH              | ĐH      | Kế toán           | KTV | 50   | 35 | 120 | 36 | 90  | 331   |

|    |                      |            |            |                  |         |              |     |      |    |     |    |     |       |
|----|----------------------|------------|------------|------------------|---------|--------------|-----|------|----|-----|----|-----|-------|
| 50 | Nguyễn Thị Thơm      |            | 24/10/1981 | ĐHLN             | Thạc sĩ | Lâm học      | NCV | 80   | 65 | 170 | 76 | 90  | 481   |
| 51 | Trần Thị Thanh Thùy  |            | 6/9/1990   | ĐHLN             | ĐH      | Lâm học      | NCV | 80   | 68 | 180 | 80 | 95  | 503   |
| 52 | Hoàng Thị Ngọc Thùy  |            | 22/01/1991 | ĐHLĐXH           | ĐH      | Kế toán      | KTV | BT   | BT | BT  | BT | BT  |       |
| 53 | Vũ Thị Thùy          |            | 16/4/1983  | ĐHKT Quốc Dân    | ĐH      | Kế toán      | KTV | 48   | 57 | 126 | 26 | 50  | 307   |
| 54 | Phạm Quang Tiến      | 23/9/1987  |            | ĐHLN             | ĐH      | Lâm học      | NCV | 90   | 82 | 180 | 75 | 100 | 527   |
| 55 | Huỳnh Thị Kiều Trinh |            | 21/3/1989  | ĐH Tây Nguyên    | Thạc sĩ | Lâm học      | NCV | 87,5 | 83 | 175 | 76 | 100 | 521,5 |
| 56 | Trần Anh Trung       | 11/1/1986  |            | ĐH Nông Lâm Huế  | ĐH      | Lâm nghiệp   | NCV | 83   | 83 | 176 | 89 | 90  | 521   |
| 57 | Dương Quang Trung    | 18/10/1987 |            | ĐHLN             | Thạc sĩ | Lâm nghiệp   | NCV | 89   | 82 | 180 | 85 | 95  | 531   |
| 58 | Phùng Đình Trung     | 15/5/1982  |            | ĐHLN             | Thạc sĩ | Lâm học      | NCV | 78,5 | 78 | 182 | 95 | 100 | 533,5 |
| 59 | Trần Văn Trường      | 03/12/1993 |            | ĐHNL Thái Nguyên | ĐH      | Lâm nghiệp   | NCV | BT   | BT | BT  | BT | BT  |       |
| 60 | Bùi Thị Cẩm Tú       |            | 22/11/1992 | ĐHLN             | ĐH      | Kế toán      | KTV | 80   | 84 | 182 | 72 | 90  | 508   |
| 61 | Hoàng Văn Tuấn       | 8/7/1991   |            | ĐHLN             | ĐH      | Lâm học      | NCV | 86   | 82 | 182 | 85 | 100 | 535   |
| 62 | Hoàng Anh Tuấn       | 14/4/1990  |            | ĐHLN             | ĐH      | CNCB Lâm sản | NCV | 90   | 64 | 180 | 90 | 85  | 509   |
| 63 | Phạm Thị Thu Vân     |            | 29/11/1990 | ĐH Lạc Hồng      | ĐH      | CNSH         | NCV | 87   | 76 | 166 | 73 | 100 | 502   |
| 64 | Hoàng Đức Việt       | 3/2/1993   |            | ĐH Lâm nghiệp    | ĐH      | Kinh tế      | NCV | 85   | 75 | 170 | 85 | 95  | 510   |

**Ghi chú:**

- Điểm thi vấn đáp của môn thi chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành: hệ số 2;
- Tiếng Anh và Tin học là môn thi điều kiện nên điểm thi 2 môn này không tính vào điểm trúng tuyển;
- Thông báo điểm trong 10 ngày nếu có gì thắc mắc mời thí sinh gặp Hội đồng tuyển dụng (Ban Tổ chức, Hành chính);
- BT: Bỏ thi.

**GIÁM ĐỐC**



**Võ Đại Hải**